| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT**<br>**TỈNH BÌNH DƯƠNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 134/2024/HS-ST
Ngày: 09-7-2024

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Trường

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Huỳnh Thị Thùy Dương

Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trương Thị Kiều Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Ông Huỳnh Hải Dương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 146/2024/HSST ngày 25 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2024/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 6 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Lâm Văn S, sinh ngày 20 tháng 02 năm 1993 tại tỉnh Sóc Trăng. Nơi cư trú: Ấp M, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm Văn B và bà Trần Ngọc M; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam ngày 11/7/2023; có mặt.

2. Nguyễn Văn D, sinh ngày 23 tháng 8 năm 1985 tại tỉnh Thái Bình. Nơi đăng ký thường trú: Thôn H, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình; nơi đăng ký tạm trú: Số 28, Tổ 55, Khu phố 6, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Bùi Thị T; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 12/7/2023, đến ngày 21/7/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng biện pháp đặt tiền để bảo đảm; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: Ông Phạm Khắc C, sinh năm 1976; nơi cư trú: Số B, Tổ 2A, khóm N, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Ông Lê Anh T, vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lâm Văn S và Nguyễn Văn D quen biết nhau; khoảng 20 giờ 30 phút ngày 11/7/2023, D có ý định mua ma túy về sử dụng nên đi đến đường Chùa H, thuộc Khu phố 2, phường P, thành phố Thủ Dầu Một gặp S; khi gặp S, D đưa cho S 300.000 đồng và nói S đi mua ma túy cho D; S đồng ý và mượn xe môtô hiệu Honda Dream, biển số 64F6-6340 của người nam tên T đi đến xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh gặp một người nam hỏi mua 200.000 đồng ma túy đá; S đưa 200.000 đồng, còn người nam đưa lại cho S 01 tờ vé số gói ma túy bên trong, S bỏ ma túy vào túi quần của S rồi đi về.

Khoảng 21 giờ 50 phút ngày 11/7/2023, khi S về đến đường Chùa H thì bị lực lượng Công an tuần tra yêu cầu S dừng xe để kiểm tra; qua kiểm tra, phát hiện trong túi quần phía trước, bên phải của S có 01 tờ vé số gói túi nylon chứa tinh thể màu trắng, S khai bên trong túi nylon là ma túy. Lực lượng Công an tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với S và thu giữ vật chứng, gồm: 01 tờ vé số gói 01 túi nylon chứa tinh thể màu trắng, xe môtô hiệu Honda Dream biển số 64F6-6340, 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen.

Đối với D, do chờ lâu không thấy S đem ma túy về, nên đi đến đường Chùa H tìm S; khi D đang tìm S thì lực lượng Công an thấy nghi vấn, nên mời D về trụ sở Công an phường P làm việc; tại Công an phường, D khai đã đưa tiền cho S đi mua ma túy về cho D sử dụng.

Quá trình điều tra, Lâm Văn S và Nguyễn Văn D cùng khai nhận: Ngoài lần mua ma túy vào ngày 11/7/2023 bị bắt quả tang ra; trước đó, S đã 04 lần đi mua ma túy về cho D sử dụng; mỗi lần mua, D đưa cho S 300.000 đồng, nhưng S chỉ mua 200.000 đồng, số tiền 100.000 đồng còn lại, S giữ lại để sử dụng, nhưng S không nói cho D biết. Cơ quan điều tra đã xác định được 02 lần gần nhất S mua ma túy cho D là vào ngày 02/7/2023 và ngày 11/7/2023.

Tại Kết luận giám định số 416/KL-KTHS (MT) ngày 19/7/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương, kết luận: Mẫu tinh thể màu trắng bên trong 01 gói nylon hàn kín được đựng trong một gói giấy (loại tờ vé số) bên trong 01 bì thư được dán niêm phong bên ngoài có chữ ký của người bị bắt Lâm Văn S, người chứng kiến Lê Anh T, cán bộ niêm phong Huỳnh Minh T và hình dấu đỏ của Công an phường P, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương là ma túy, có khối lượng 0,1651 gam, loại Methamphetamine. Khối lượng hoàn lại sau giám định là 0,1210 gam, loại Methamphetamine.

Đối với chiếc xe môtô hiệu Honda Dream, biển số 64F6-6340, quá trình điều tra xác định: Xe do ông Phạm Khắc C đứng tên trên giấy đăng ký, ông C đã bán xe cho một người nam vào năm 2021, nhưng không làm giấy mua bán, ông C đã bán xe nên không có yêu cầu nào. Kết quả tra cứu xe tại Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh

Bình Dương xác định xe không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng. Cơ quan điều tra đã đăng báo tìm chủ sở hữu, nhưng đến nay không có ai đến nhận.

Về người nam tên T đã cho S mượn xe môtô hiệu Honda Dream biển số 64F6-6340 và người nam bán ma túy cho S, quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân lai lịch. Đối với 01 tờ tiền 100.000 đồng thu giữ của S, quá trình điều tra xác định đây là tiền S thu lợi từ việc mua ma túy cho D vào ngày 11/7/2023.

Vật chứng chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một gồm: Khối lượng ma túy hoàn lại sau giám định 0,1210gam, loại Methamphetamine; chiếc xe môtô hiệu Honda Dream, biển số 64F6-6340; 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen và số tiền 100.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 144/CT-VKSTDM ngày 24/6/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một đã truy tố bị cáo Lâm Văn S để xét xử về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố bị cáo Nguyễn Văn D để xét xử về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố; đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lâm Văn S từ 07 đến 08 năm tù; căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo và phạt bổ sung bị cáo D từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng; về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước điện thoại Nokia và số tiền 100.000 đồng, tịch thu tiêu hủy số ma túy hoàn lại sau giám định và xử lý chiếc xe môtô biển số 64F6-6340 theo quy định.

Tại phần tranh luận, bị cáo Lâm Văn S và Nguyễn Văn D không tranh luận với Kiểm sát viên về tội danh, khung hình phạt và mức hình phạt đã đề nghị.

Bị cáo Lâm Văn S nói lời sau cùng: Bị cáo thấy việc làm của mình là sai trái, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Văn D nói lời sau cùng: Bị cáo rất hối hận về việc làm của mình, bị cáo hứa không bao giờ dám đụng đến ma túy nữa, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho bị cáo.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi,

quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Lâm Văn S và Nguyễn Văn D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người làm chứng, vật chứng của vụ án, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản xác định hiện trường, kết luận giám định khối lượng mẫu vật, loại chất ma túy và các chứng cứ, tài liệu đã được thu thập có tại hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở xác định: Ngày 11/7/2023, Nguyễn Văn D có hành vi đưa 300.000 đồng cho Lâm Văn S đi mua ma túy có tổng khối lượng 0,1651 gam, loại Methamphetamine cho D sử dụng, khi S đang trên đường về đưa ma túy cho D thì bị bắt, hành vi của D đã phạm vào tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; Lâm Văn S đã có hành vi đi mua ma túy cho D 05 lần, mỗi lần thu lợi được 100.000 đồng; hành vi của S đã phạm vào tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Như vậy, Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố bị cáo Lâm Văn S để xét xử về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố bị cáo Nguyễn Văn D để xét xử về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; các bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Về nhận thức: Các bị cáo biết hành vi mua bán và tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật hình sự, nhưng vì mục đích cá nhân nên các bị cáo đã thực hiện; do đó, các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma tuý, gây tác hại xấu đến trật tự công cộng và an toàn xã hội. Do đó, với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện, cần có mức hình phạt tương xứng để giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành công dân tốt; đồng thời, để răn đe và phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Các bị cáo phạm tội với vai trò độc lập, không có sự câu kết chặt chẽ, nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với tính chất, mức độ của hình vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện.

[6] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Không.

[7] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo S: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo D: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có cha được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì, bị cáo là lao động chính trong gia đình, đang nuôi cha mẹ già bị bệnh hiểm nghèo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 (áp dụng đối với bị cáo D) Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội. Tuy nhiên, bị cáo S là người có nhân thân tốt, nên đề nghị của Viện Kiểm sát về hình phạt đối với bị cáo S là tương xứng, đúng pháp luật. Đối với bị cáo D, theo các kết quả xét nghiệm của Cơ quan y tế thì bị cáo không còn dương tính

với các chất ma túy, bị cáo là lao động chính đang nuôi cha mẹ già bị bệnh hiểm nghèo; đồng thời, bị cáo D có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng và có việc làm ổn định, bị cáo có khả năng tự cải tạo; bị cáo có đủ các điều kiện theo hướng dẫn tại Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo; do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện Kiểm sát, sẽ áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo được miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện để bị cáo được lao động nuôi cha mẹ, nhưng phải quyết định mức hình phạt cao hơn so với đề nghị của Viện Kiểm sát và cần áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo để răn đe.

[9] Đối với người nam bán ma túy cho S, do chưa xác định được nhân thân, lai lịch; Cơ quan điều tra đang tiếp tục điều tra, khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

[10] Về biện pháp tư pháp: Tại phiên tòa, bị cáo S khai đã thu lợi được số tiền 400.000 đồng từ việc mua ma túy cho D. Do đây là tiền thu lợi bất chính, nên buộc bị cáo phải nộp lại để sung vào ngân sách nhà nước.

[11] Về vật chứng của vụ án: Cần tịch thu tiêu hủy số ma túy hoàn lại sau giám định. Bị cáo Sang sử dụng điện thoại Nokia của mình làm phương tiện phạm tội và 100.000 đồng thu giữ là tiền bị cáo S thu lợi bất chính, nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Đối với xe môtô biển số 64F6-6340, do chưa xác định được chủ sở hữu, nên cần trả xe cho bị cáo S để bị cáo trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp.

[12] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 260, Điều 290, 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Lâm Văn S phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy";

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

2. Về trách nhiệm hình sự:

2.1. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Lâm Văn S 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/7/2023.

2.2. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017; Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (ba) năm, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án (09/7/2024). Giao bị cáo Nguyễn Văn D cho Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Buộc bị cáo Nguyễn Văn D phải nộp 50.000.000 đồng (năm mươi triệu) đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

Về xử lý đối với tiền đặt để bảo đảm: Quyết định áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm số 15/QĐ-CQ.CSĐT ngày 21/7/2023 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương đối với bị cáo Nguyễn Văn Duy sẽ được xử lý theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 10 của Thông tư liên tịch số 06/2018/TTLT-BCA-BQP-BTC-VKSNDTC-TANDT ngày 07/8/2018 của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và Tòa án nhân dân tối cao quy định chi tiết trình tự, thủ tục, mức tiền đặt, việc tạm giữ, hoàn trả, tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền đã đặt để bảo đảm.

3. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46 và Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Buộc bị cáo Lâm Văn S phải nộp 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng) để sung vào ngân sách nhà nước.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tuyên trả lại cho bị cáo Lâm Văn S chiếc xe môtô đã qua sử dụng hiệu Honda Dream, biển số 64F6-6340, số máy: 10124122, số khung: 00144875, xe đã cũ, không có bửng và mặt nạ trước, bị trầy nhiều chỗ (không kiểm tra chi tiết, tình trạng hoạt động);

Tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: Số tiền 100.000 (một trăm nghìn) đồng và 01 điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Nokia, màu đen, số serial: 356944094985321, có sim bên trong nhưng không kiểm tra được số thuê bao do không mở máy lên được, điện thoại bị trầy xước nhiều chỗ (không kiểm tra chi tiết, tình trạng hoạt động).

Tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 bì thư được niêm phong ghi số 416/PC09 có chữ ký của Lâm Văn S, Lê Anh T, Nguyễn Ngọc D, Lê Phước T; đóng dấu tròn đỏ của Công an phường Phú Cường, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương và đóng dấu niêm phong bằng dấu tròn đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương. Theo

Kết luận giám định số 416/KL-KTTHS(MT) ngày 19/7/2023 và Biên bản đóng gói, niêm phong và giao nhận lại đối tượng giám định ngày 12/7/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương thì bên trong có chứa: 01 gói giấy (loại tờ vé số) đựng 01 gói nylon hàn kín chứa ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng sau giám định: 0,1210 gam.

*(Theo biên bản giao nhận vật chứng số 054.24 ngày 28/12/2023 giữa Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một và giấy nộp tiền vào tài khoản số 3949.0.1046038.00000 ngày 18/12/2023 của Ngân hàng Vietcombank Chi nhánh Bình Dương).*

5. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Lâm Văn S và Nguyễn Văn D mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Công an TP. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Sở Tư Pháp tỉnh Bình Dương;
- UBND phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Trường**